BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 740 /TB-MĐC

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2024

THÔNG BÁO

Kết luận cuộc họp Triển khai công tác Tự đánh giá CTĐT ngày 19/12/2024

Căn cứ nội dung cuộc họp Triển khai công tác Tự đánh giá CTĐT vào lúc 14h00-16h30 ngày 19/12/2024 tại Phòng họp Phố Yên, Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

+ *Chủ trì:* PGS.TS Nguyễn Ngọc Khánh, Phó Hiệu trưởng.

+ *Thành phần:* Trưởng khoa (Phó chủ tịch Hội đồng TĐG); Thư ký Hội đồng TĐG; Trưởng ban thư ký giúp việc Hội đồng TĐG theo các Quyết định số 1803-1821/QĐ-MĐC ngày 15/11/2024; đại diện lãnh đạo các đơn vị: P.ĐBCLGD; P.ĐTĐH; P.ĐTSĐH; P.CTCT-SV; P.QHCC-DN; P.TCCB; P.KHCN; P.KHTC; P.CSVC; Trung tâm TT-TV; Trung tâm DV; thành viên Ban thư ký là chuyên viên của các Phòng ĐBCLGD, ĐTĐH, ĐTSĐH.

Sau khi nghe TS. Phạm Văn Tuấn, Trưởng phòng ĐBCLGD báo cáo tiến độ và ý kiến trao đổi của các đơn vị về các công việc, PGS.TS Nguyễn Ngọc Khánh có một số kết luận sau:

1. Phòng TCCB phối hợp với Phòng ĐBCLGD thực hiện chỉ đạo của Hiệu trưởng và thực hiện Quyết định số 2217/QĐ-MĐC ngày 12/12/2024 về việc phân công nhiệm vụ của Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng, tiến hành rà soát, kiện toàn danh sách Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký Hội đồng tự đánh giá CTĐT (nếu có) dựa trên các Quyết định số 1803-1821/QĐ-MĐC ban ngày 15/11/2024, trình Hiệu trưởng ký quyết định, gửi lại các CTĐT muộn nhất vào Thứ Hai ngày 23/12/2024.
2. Phòng ĐBCLGD rà soát, bổ sung tài khoản phần mềm TĐG trực tuyến cho Trưởng khoa, Phó Chủ tịch Hội đồng TĐG; Thư ký Hội đồng TĐG; Trưởng ban Thư ký giúp việc Hội đồng TĐG, gửi các CTĐT muộn nhất trong ngày Thứ Bảy 21/12/2024.
3. Phòng ĐBCLGD phân công nhân sự phụ trách, hỗ trợ các CTĐT; rà soát, cập nhật nội dung, gửi các đơn vị liên quan Hướng dẫn lưu trữ tài liệu phục vụ KĐCL CTĐT (kèm theo). Các đơn vị tập trung cập nhật cơ sở dữ liệu trên phần mềm trước ngày 31/12/2024.
4. Trên cơ sở thống nhất về tiến độ hoàn thành công tác TĐG - ĐGN CTĐT (kèm theo Thông báo số 707/TB-MĐC ngày 09/12/2024 và nội dung cuộc họp này) các CTĐT hoàn thành dự thảo Kế hoạch TĐG, gửi file về Phòng ĐBCLGD trước ngày 25/12/2024 để trình Hiệu trưởng ký ban hành Kế hoạch TĐG cho mỗi CTĐT.
5. Các CTĐT: i) Kỹ thuật xây dựng trình độ thạc sĩ; ii) Kỹ thuật địa chất trình độ đại học (KĐCLGD chu kỳ 2); iii) Địa tin học trình độ đại học khẩn trương hoàn thành Báo cáo TĐG trước ngày 17/1/2024 (phiên bản 1) để Nhà trường mời chuyên gia tập

huấn, tư vấn hoàn thiện báo cáo TĐG các CTĐT, phục vụ công tác ĐGN CTĐT theo kế hoạch tiến độ.

6. Các Khoa/Phòng/Ban/Trung tâm phối hợp triển khai công việc, triển khai tốt việc tự đánh giá các CTĐT; báo cáo kết quả công việc cụ thể (theo mẫu Phòng ĐBCLGD cung cấp). Cuộc họp tiếp theo, dự kiến vào **14h00 Thứ Năm ngày 02/01/2025**.

Nhận được thông báo này, yêu cầu các đơn vị, cá nhân liên quan nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện.

Trân trọng.

Nơi nhận:
- Hiệu trưởng (để báo cáo)
- Các P.Hiệu trưởng (để ph/hợp t/dõi, c/đạo)
- Các đơn vị (để th/hiện hoặc ph/hợp);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, ĐBCL(01).

KT. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Nguyễn Ngọc Khánh

PHÂN CÔNG PHỤ TRÁCH, HỖ TRỢ CÔNG TÁC TỰ ĐÁNH GIÁ, KIỂM ĐỊNH CTĐT

(Kèm theo Thông báo số 740/TB-MĐC ngày 20/12/2024 Kết luận cuộc họp Triển khai công tác Tự đánh giá CTĐT ngày 19/12/2024)

TT	Nội dung công việc	Phân công hỗ trợ	Phụ trách
1	Hỗ trợ công tác TĐG 04 CTĐT đại học phục vụ KĐCL chu kỳ 2: - Kỹ thuật địa chất - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - Kế toán - Quản trị kinh doanh	Phạm Trường Sinh (*) Ngô Thái Vinh	Nguyễn Thị Lan Hương
2	Hỗ trợ công tác TĐG 05 CTĐT thạc sĩ phục vụ KĐCL chu kỳ 1: - Khai thác mỏ - Kỹ thuật địa chất - Kỹ thuật trắc địa - Quản lý đất đai - Kỹ thuật xây dựng	Tạ Thị Toán (*) Dương Thị Hồng Đài	Phạm Văn Tuấn
3	Hỗ trợ công tác TĐG 05 CTĐT đại học theo quy định mở ngành mới: - Du lịch địa chất - Quản lý công nghiệp - Kỹ thuật cơ điện tử - Kỹ thuật cơ khí động lực - Địa kỹ thuật xây dựng	Dương Thị Hồng Đài (*) Nguyễn Trung Thành	Nguyễn Thị Lan Hương
4	Hỗ trợ công tác TĐG 05 CTĐT đại học theo quy định mở ngành mới: - Xây dựng công trình ngầm thành phố và Hệ thống tàu điện ngầm - Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông - Khoa học dữ liệu - Quản lý tài nguyên và môi trường - Địa tin học	Ngô Thái Vinh (*) Dương Mai Yến	Phạm Văn Tuấn

(*) hỗ trợ chính

- Nguyễn Thị Lan Hương: phụ trách TĐG các CTĐT được phân công; báo cáo Trưởng phòng, báo cáo Phó hiệu trưởng phụ trách về tiến độ công việc khi cần.
- Phạm Văn Tuấn: phụ trách TĐG các CTĐT được phân công; phụ trách chung công tác TĐG, KĐCL CTĐT; báo cáo Phó hiệu trưởng phụ trách về tiến độ công việc khi cần.

HƯỚNG DẪN LƯU TRỮ TÀI LIỆU PHỤC VỤ KĐCL CTĐT 2024 - TOÀN TRƯỜNG

(Kèm theo Thông báo số 740/TB-MĐC ngày 24/12/2024 Kết luận cuộc họp Triển khai công tác Tự đánh giá CTĐT ngày 19/12/2024)

(CTĐT = Khoa/Bộ môn chủ quản ngành đào tạo)

Lưu ý: Đơn vị đầu mối có trách nhiệm kết hợp với các đơn vị liên quan triển khai lưu trữ tài liệu làm minh chứng.

TT	TÊN MINH CHỨNG	TIÊU CHÍ	ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH CHÍNH	ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	CTĐT Thực hiện và/hoặc cùng lưu tài liệu
	Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo					
1	Văn bản chính thức phát biểu về tầm nhìn, sứ mạng của CSGD*.	1.1	HCTH	HCTH		x
2	Quyết định ban hành CTĐT*.	1.1	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
3	Bản mô tả; đề cương CTĐT và bản mô tả; đề cương môn học; học phần*.	1.1	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
4	Ma trận kỹ năng*.	1.1	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
5	Tài liệu khảo sát về nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT trong vòng 5 năm tính đến thời điểm đánh giá*.	1.1	ĐBCL	ĐBCL	QHCC-DN	x
6	Biên bản họp lấy ý kiến của các bên liên quan về CTĐT*.	1.1	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
7	Trang thông tin điện tử của CSGD; khoa có đề cập đến CTĐT.	1.1	ĐTĐH	ĐTĐH; CTĐT	TT.TT-TV	x
8	Các báo cáo kết quả KĐCLGD và đối sánh.	1.1	HCTH	ĐBCL; HCTH		
9	Văn bản chính thức phát biểu về tầm nhìn, sứ mạng của CSGD.	1.2	HCTH	HCTH		x
10	Bản mô tả; đề cương CTĐT và đề cương môn học; học phần*.	1.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
11	Tài liệu quảng bá, các bản tin về CTĐT.	1.2	QHCC-DN	QHCC-DN	CTĐT	x
12	Ma trận kỹ năng*.	1.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
13	Biên bản họp lấy ý kiến của các bên liên quan về CTĐT*.	1.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
14	Trang thông tin điện tử của CSGD; khoa có đề cập đến CTĐT.	1.2	ĐTĐH	ĐTĐH; CTĐT	TT.TT-TV	x
15	Các báo cáo kết quả KĐCLGD và đối sánh.	1.2	ĐBCL	ĐBCL; ĐTĐH	CTĐT	x
16	Kết quả khảo sát GV, NH và NH tốt nghiệp.	1.2	ĐBCL	ĐBCL	ĐTĐH; TCCB; CTCT-SV; QHCC-DN	x
17	Bản mô tả; đề cương CTĐT và đề cương môn học; học phần*.	1.3	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
18	Tài liệu quảng bá, các bản tin về CTĐT.	1.3	QHCC-DN	QHCC-DN	CTĐT	x

19	Ma trận kỹ năng*.	1.3	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
20	Kết quả khảo sát nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT*.	1.3	ĐBCL	CTĐT; ĐBCL	QHCC-DN; CTĐT	x
21	Biên bản họp; bản góp ý của các bên liên quan, đặc biệt là nhà sử dụng lao động*.	1.3	ĐTĐH	ĐTĐH	QHCC-DN; CTĐT	x
22	Trang thông tin điện tử của CSGD; khoa công bố công khai CĐR của CTĐT*.	1.3	ĐTĐH	ĐTĐH; CTĐT	TT.TT-TV	x
23	Các báo cáo kết quả KĐCLGD và đối sánh.	1.3	ĐBCL	ĐBCL	ĐTĐH; TCCB; CTCT-SV; QHCC-DN	x
24	Các biên bản họp và tài liệu lưu trữ về hoạt động rà soát CĐR của CTĐT*.	1.3	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
25	Văn bản của nhà trường về CĐR của CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh.	1.3	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
26	Bảng so sánh kết quả xếp loại đối với NH tốt nghiệp CTĐT trong 5 năm của chu kỳ đánh giá.	1.3	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
	Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo					
27	Bản mô tả; đề cương CTĐT và bản mô tả; đề cương môn học; học phần bao gồm các phiên bản cũ và mới nhất*.	2.1	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
28	Tờ rơi, tài liệu quảng bá về CTĐT, môn học, bản tin.	2.1	QHCC-DN	QHCC-DN		
29	Trang thông tin điện tử của CSGD; khoa.	2.1	ĐTĐH	ĐTĐH; CTĐT	TT.TT-TV	x
30	Biên bản họp; bản góp ý lấy ý kiến của các bên liên quan*.	2.1	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
31	Biên bản họp; tài liệu về hoạt động rà soát CTĐT*.	2.1	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
32	Báo cáo kết quả KĐCLGD và đối sánh.	2.1	ĐBCL	ĐBCL; ĐTĐH	CTĐT	x
33	Kế hoạch; báo cáo xây dựng; điều chỉnh Bản mô tả CTĐT được phê duyệt*.	2.1	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
34	Đề cương của tất cả các môn học; học phần trong CTĐT đối với các phiên bản trong 5 năm của chu kỳ đánh giá*.	2.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
35	Bản mô tả môn học; học phần trong CTĐT*.	2.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
36	Tờ rơi, tài liệu quảng bá môn học; học phần, bản tin.	2.2	QHCC-DN	QHCC-DN		
37	Trang thông tin điện tử của CSGD; khoa.	2.2	ĐTĐH	ĐTĐH; CTĐT	TT.TT-TV	x
38	Biên bản họp; ý kiến góp ý của các bên liên quan về nội dung, chất lượng của các môn học; học phần*.	2.2	ĐTĐH	ĐTĐH; ĐBCL	CTCT-SV; TCCB; QHCC-DN	x

39	Biên bản họp; tài liệu liên quan đến hoạt động rà soát đề cương môn học; học phần*.	2.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
40	Báo cáo kết quả KĐCLGD và đối sánh chất lượng liên quan đến môn học; học phần.	2.2	ĐTĐH	ĐBCL; ĐTĐH	CTĐT	x
41	Bản mô tả CTĐT đã được phê duyệt chính thức*.	2.3	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
42	Đề cương các môn học; học phần trong CTĐT đã được phê duyệt chính thức*.	2.3	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
43	Các tài liệu chính thống của CSGD; khoa trong đó có phần công bố về bản mô tả CTĐT; đề cương các học phần*.	2.3	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
44	Trang thông tin điện tử của CSGD; khoa có công bố bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần*.	2.3	ĐTĐH	ĐTĐH; CTĐT		x
	Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học					
45	Bản mô tả CTDH và bản mô tả môn học; học phần*.	3.1	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
46	Kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH*.	3.1	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
47	Ma trận kỹ năng*.	3.1	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
48	Hồ sơ giảng dạy của GV*.	3.1	TCCB	TCCB	CTĐT	
49	Mô tả CĐR của CTĐT*.	3.1	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
50	Góp ý, phản hồi của các bên liên quan (nhà sử dụng lao động, GV, NH, NH đã tốt nghiệp, ...) về CTDH*.	3.1	ĐBCL	ĐBCL	ĐTĐH; TCCB; CTCT-SV; QHCC-DN	x
51	Các báo cáo về KĐCLGD và đối sánh.	3.1	ĐTĐH	ĐBCL; ĐTĐH	CTĐT; TCCB; CTCT-SV; QHCC-DN	x
52	Bản mô tả CTDH, bản mô tả môn học; học phần*.	3.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
53	Tờ rơi, tài liệu quảng bá chương trình, bản tin về khóa học.	3.2	QHCC-DN	QHCC-DN	CTĐT	x
54	Sơ đồ; kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH*.	3.2	ĐTĐH	ĐTĐH		
55	Ma trận kỹ năng*.	3.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
56	Góp ý, phản hồi của các bên liên quan*.	3.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
57	Các biên bản họp; tài liệu liên quan tới hoạt động xây dựng CTDH*.	3.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
58	Biên bản nghiệm thu CTDH và đề cương học phần*.	3.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
59	Các báo cáo về KĐCLGD và đối sánh.	3.2	ĐTĐH	ĐBCL; ĐTĐH	CTĐT; TCCB; CTCT-SV; QHCC-DN	x

60	Bản mô tả CTDH và bản mô tả môn học; học phần*.	3.3	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
61	Tờ rơi, tài liệu quảng bá chương trình, bản tin về khóa học.	3.3	QHCC-DN	QHCC-DN	CTĐT	x
62	Kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH*.	3.3	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
63	Ma trận kỹ năng.	3.3	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
64	Góp ý, phản hồi của các bên liên quan.	3.3	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
65	Trang thông tin điện tử của CSGD và của khoa.	3.3	CTĐT	ĐTĐH; CTĐT	TT.TT-TV	x
66	Các biên bản họp và tài liệu lưu trữ về hoạt động rà soát, điều chỉnh CTDH*.	3.3	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
67	Biên bản nghiệm thu CTDH và đề cương học phần*.	3.3	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
68	Các báo cáo về KĐCLGD và đối sánh.	3.3	ĐTĐH	ĐBCL; ĐTĐH	CTĐT; TCCB; CTCT-SV; QHCC-DN	x
69	Tài liệu quy định; hướng dẫn việc xây dựng CTDH trong đó nêu rõ yêu cầu, bố cục, cấu trúc của CTDH*.	3.3	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
	Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học					
70	Văn bản chính thức của CSGD có đề cập đến triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục*.	4.1	HCTH	HCTH		x
71	Trang thông tin điện tử của CSGD có đề cập đến triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục*.	4.1	HCTH	HCTH	TT.TT-TV	
72	Ý kiến phản hồi của các bên liên quan.	4.1	HCTH	HCTH		
73	Kế hoạch; tài liệu liên quan đến việc giới thiệu; phổ biến triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục*.	4.1	HCTH	HCTH		
74	Minh chứng về các hoạt động giảng dạy và học tập để đảm bảo chất lượng chẳng hạn như: dự án, thực tập, thực hành, thực tế tại doanh nghiệp*.	4.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
75	Cổng thông tin học tập trực tuyến.	4.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT; TT.TT-TV	x
76	CĐR của CTĐT và Bản mô tả CTĐT; môn học; học phần*.	4.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
77	Ý kiến phản hồi của các bên liên quan.	4.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
78	Tài liệu; hội thảo liên quan đến thảo luận, trao đổi sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy và học tập để đạt được CĐR*.	4.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
79	Minh chứng về các hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và học tập chẳng hạn như dự án, thực tập, thực hành, thực tế tại doanh nghiệp*.	4.3	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x

80	Cổng thông tin học tập trực tuyến*.	4.3	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT; TT.TT-TV	x
81	Bản mô tả CTĐT; môn học; học phần*.	4.3	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
82	Ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hiệu quả; chất lượng công việc.	4.3	ĐBCL	ĐBCL	ĐTĐH; TCCB; CTCT-SV; QHCC-DN	x
83	Nguồn tư liệu, sách báo, phim ảnh phục vụ hoạt động dạy và học*.	4.3	TT. TT-TV	TT. TT-TV		
	Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học					
84	Văn bản; tài liệu hướng dẫn; quy định về quy trình thi, kiểm tra, đánh giá NH bao gồm: quá trình đào tạo, thi; chấm luận văn tốt nghiệp*.	5.1	ĐTĐH; ĐBCL	ĐTĐH; ĐBCL		x
85	Bản mô tả CTĐT; đề cương chi tiết các môn học; học phần*.	5.1	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
86	Bảng tiêu chí đánh giá; thang điểm; mẫu phiếu đánh giá khóa học; môn học, đề tài; dự án, luận văn, luận án, bài thi định kỳ; cuối kỳ; cuối khóa*.	5.1	ĐTĐH	CTĐT; ĐTĐH	CTĐT	x
87	Văn bản thể hiện quy trình thi, kiểm tra, đánh giá NH,… được rà soát, điều chỉnh.	5.1	ĐBCL	ĐBCL		
88	Quy định đào tạo; thi, kiểm tra, đánh giá*.	5.2	ĐBCL	ĐTĐH; ĐBCL		x
89	Mẫu phiếu; bản rùbrics đánh giá khóa học; môn học, học phần; đề tài; dự án; luận văn, luận án; bài thi cuối kỳ; cuối khóa.	5.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
90	Bản mô tả CTĐT; bản mô tả môn học; học phần*.	5.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
91	Sổ tay sinh viên*.	5.2	CTCT-SV	CTCT -SV		
92	Trang thông tin điện tử của CSGD có các quy định về đánh giá*.	5.2	ĐBCL	ĐBCL; ĐTĐH; CTCT-SV	TT.TT-TV	x
93	Đề cương các môn học, học phần.	5.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
94	Các phương pháp đánh giá kết quả học tập có trong các văn bản; tài liệu.	5.3	ĐBCL	ĐTĐH; ĐBCL		
95	Quy định về thi, kiểm tra; đánh giá*.	5.3	ĐBCL	ĐTĐH; ĐBCL		x
96	Quy trình xây dựng đề thi, đánh giá đề thi*.	5.3	ĐBCL	ĐBCL		x
97	Bản mô tả CTĐT và bản mô tả môn học; học phần*.	5.3	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
98	Sổ tay sinh viên.	5.3	CTCT-SV	CTCT-SV		
99	Trang thông tin điện tử của CSGD.	5.3	ĐBCL	ĐBCL; ĐTĐH; CTCT-SV	TT.TT-TV	
100	Các văn bản; tài liệu tổng kết, sơ kết về hiệu quả tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong các học phần; môn học; CTĐT*.	5.3	ĐTĐH	ĐBCL; ĐTĐH	TCCB; CTCT-SV; QHCC-DN	x

101	Dữ liệu về kết quả chấm thi, phúc khảo, phúc tra bài thi; kiểm tra*.	5.3	ĐBCL	ĐBCL; ĐTĐH		
102	Các tài liệu phân tích kết quả học tập của NH và đề xuất điều chỉnh đề thi.	5.3	ĐBCL	ĐTĐH; ĐBCL	CTĐT	x
103	Ý kiến phản hồi của GV, NH, NH đã tốt nghiệp và cán bộ quản lý chương trình*.	5.3	ĐBCL	ĐBCL	ĐTĐH; TCCB; CTCT-SV; QHCC-DN	x
104	Các văn bản quy định về thi, kiểm tra, đánh giá*.	5.4	ĐTĐH	ĐTĐH; ĐBCL		x
105	Các văn bản; tài liệu tổng kết, sơ kết sau mỗi kỳ học; năm học*.	5.4	ĐTĐH	ĐTĐH; ĐBCL		
106	Ý kiến phản hồi của NH, NH đã tốt nghiệp thông qua nhiều hình thức khác nhau*.	5.4	ĐBCL	ĐBCL	CTCT-SV; QHCC-DN	
107	Hình thức thông báo kết quả đánh giá tới NH (thông báo, bảng điểm, tài khoản).	5.4	ĐTĐH	ĐTĐH; CTCT-SV		
108	Văn bản quy định về quy trình; thủ tục khiếu nại kết quả học tập*.	5.5	ĐBCL	ĐBCL; CTCT-SV		
109	Sổ tay sinh viên*.	5.5	CTCT-SV	CTCT-SV		
110	Trang thông tin điện tử của CSGD có thông tin về việc khiếu nại*.	5.5	ĐBCL	ĐBCL; ĐTĐH; CTCT-SV	TT.TT-TV	x
111	Sổ theo dõi việc khiếu nại; kết quả trả lời khiếu nại về kết quả học tập của NH*.	5.5	ĐBCL	ĐBCL		
	Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên					
112	Kế hoạch chiến lược của CSGD; khoa*.	6.1	TCCB	TCCB	CTĐT	
113	Kế hoạch; quy hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV*.	6.1	TCCB	TCCB		
114	Thông tin về cơ cấu độ tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn của GV, NCV*.	6.1	TCCB	TCCB	CTĐT	
115	Phân tích nhu cầu đào tạo; bồi dưỡng của đội ngũ GV, NCV*.	6.1	TCCB	TCCB		
116	Kế hoạch và kinh phí đào tạo, phát triển đội ngũ GV, NCV*.	6.1	TCCB	TCCB; KHTC		
117	Các chính sách về nhân sự.	6.1	TCCB	TCCB		
118	Bản mô tả vị trí việc làm của GV, NCV.	6.1	TCCB	TCCB		x
119	Các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm; các hợp đồng lao động.	6.1	TCCB	TCCB		
120	Bản thống kê kết quả thực hiện kế hoạch; quy hoạch trong chu kỳ đánh giá.	6.1	TCCB	TCCB		
121	Thông tin về cơ cấu độ tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn của GV, NCV*.	6.2	TCCB	TCCB	CTĐT	
122	Tiêu chuẩn tuyển dụng GV, NCV.	6.2	TCCB	TCCB		x
123	Phân tích nhu cầu đào tạo; bồi dưỡng của đội ngũ GV, NCV*.	6.2	TCCB	TCCB		
124	Các chính sách nhân sự.	6.2	TCCB	TCCB		

125	Hồ sơ năng lực của GV, NCV.	6.2	TCCB	TCCB	CTĐT	x
126	Số liệu về tổng số GV, NH trong chu kỳ đánh giá.	6.2	TCCB	TCCB		
127	Bản mô tả vị trí việc làm của GV, NCV*.	6.2	TCCB	TCCB	CTĐT	x
128	Dữ liệu hoặc kết quả về các nghiên cứu và công bố*.	6.2	KHCN	KHCN		
129	Bảng thống kê các hoạt động NCKH và phục vụ cộng đồng hằng năm của đội ngũ GV, NCV*.	6.2	KHCN	KHCN	CTĐT	x
130	Văn bản quy định về chế độ; định mức làm việc của GV, NCV.	6.2	TCCB	TCCB	CTĐT	x
131	Bảng thống kê khối lượng công việc thực hiện của từng cá nhân.	6.2	ĐTĐH	ĐTĐH; TCCB	CTĐT	x
132	Bảng đánh giá thi đua khen thưởng; đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV, NCV.	6.2	HCTH	HCTH; TCCB		x
133	Bảng phân công khối lượng giảng dạy; NCKH hằng năm.	6.2	ĐTĐH	ĐTĐH; KHCN		x
134	Bảng thống kê thanh toán tiền vượt giờ của GV thực hiện chương trình.	6.2	ĐTĐH	ĐTĐH; KHTC		x
135	Quy chế chi tiêu nội bộ.	6.2	TCCB	TCCB; KHTC		x
136	Tài liệu; văn bản quy định về phát triển đội ngũ GV, NCV[1]*.	6.3	TCCB	TCCB		
137	Các kế hoạch phát triển chuyên môn, nghiệp vụ và đội ngũ kế thừa.	6.3	TCCB	TCCB		
138	Tiêu chí lựa chọn, quy trình tuyển dụng*.	6.3	TCCB	TCCB		
139	Các chính sách về nhân sự*.	6.3	TCCB	TCCB		
140	Bản mô tả vị trí công việc*.	6.3	TCCB	TCCB		
141	Trang thông tin điện tử.	6.3	TCCB	TCCB; TT.TT-TV		
142	Danh sách giáo viên, NCV được bổ nhiệm, điều chuyển trong 05 năm của chu kỳ đánh giá*.	6.3	TCCB	TCCB		
143	Bản nhận xét; đánh giá trình độ; năng lực hằng năm của GV, NCV*.	6.4	TCCB	TCCB		
144	Tài liệu; văn bản quy định về phát triển đội ngũ GV, NCV (ví dụ: tiêu chí về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác, trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giảng dạy, nghiên cứu, đóng góp cho cộng đồng,...)*.	6.4	TCCB	TCCB		
145	Bản mô tả vị trí công việc của GV, NCV*.	6.4	TCCB	TCCB	CTĐT	x
146	Các chính sách về nhân sự.	6.4	TCCB	TCCB		
147	Hồ sơ năng lực của GV, NCV*.	6.4	TCCB	TCCB	CTĐT	x
148	Kết quả đánh giá, phân loại GV, NCV hằng năm*.	6.4	TCCB	TCCB	CTĐT	x
149	Danh sách GV, NCV được khen thưởng, đề bạt, bổ nhiệm hoặc bị kỷ luật hằng năm.	6.4	TCCB	TCCB		
150	Kết quả khảo sát; đánh giá nhu cầu đào tạo; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV, NCV*.	6.5	TCCB	TCCB		

151	Danh sách đội ngũ GV, NCV được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ hằng năm*.	6.5	TCCB	TCCB		
152	Kế hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV*.	6.5	TCCB	TCCB		
153	Các kế hoạch phát triển chuyên môn, nghiệp vụ.	6.5	TCCB	TCCB		
154	Các phân tích về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV, NCV*.	6.5	TCCB	TCCB		
155	Kế hoạch và kinh phí đào tạo, phát triển đội ngũ GV, NCV*.	6.5	TCCB	TCCB; KHTC		
156	Các chính sách về nhân sự.	6.5	TCCB	TCCB		
157	Sổ tay GV.	6.5	ĐTĐH	ĐTĐH		x
158	Bản mô tả vị trí việc làm của GV, NCV.	6.5	TCCB	TCCB	CTĐT	x
159	Hồ sơ năng lực của GV, NCV.	6.5	TCCB	TCCB	CTĐT	x
160	Quyết định cử đi học tập, bồi dưỡng và tiếp nhận*.	6.5	TCCB	TCCB	CTĐT	x
161	Báo cáo tổng kết đánh giá hằng năm.	6.5	TCCB	TCCB; HCTH		
162	Báo cáo kết quả quản trị đội ngũ GV, NCV*.	6.6	TCCB	TCCB		
163	Hệ thống văn bản đánh giá thi đua khen thưởng*.	6.6	TCCB	TCCB; HCTH		
164	Bản mô tả vị trí công việc*.	6.6	TCCB	TCCB		
165	Các chính sách nhân sự.	6.6	TCCB	TCCB		
166	Dữ liệu thống kê về các NCKH và phục vụ cộng đồng hằng năm*.	6.6	KHCN	KHCN		
167	Hồ sơ năng lực của GV, NCV*.	6.6	KHCN	KHCN	TCCB	x
168	Kế hoạch công tác cụ thể đối với GV, NCV hằng năm.	6.6	CTĐT	CTĐT		
169	Kết quả đánh giá, phân loại GV, NCV hằng năm*.	6.6	TCCB	TCCB		
170	Danh sách GV, NCV được khen thưởng và công nhận đột suất và hằng năm (nêu rõ lý do)*.	6.6	HCTH	HCTH		
171	Ý kiến phản hồi của GV, NCV và các bên liên quan.	6.6	TCCB	KHCN; TCCB		
172	Tài liệu; quy định cụ thể về các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV, NCV*.	6.7	KHCN	KHCN; TCCB		
173	Sổ tay NCKH*.	6.7	KHCN	KHCN		
174	Bản mô tả vị trí công việc của GV, NCV.	6.7	TCCB	KHCN; TCCB		
175	Dữ liệu thống kê về các NCKH và phục vụ cộng đồng hằng năm*.	6.7	KHCN	KHCN		
176	Hồ sơ năng lực của GV, NCV*.	6.7	TCCB	KHCN; TCCB		
177	Kết quả đánh giá, phân loại GV, NCV hằng năm*.	6.7	TCCB	KHCN; TCCB		
178	Ý kiến phản hồi của GV, NCV và các bên liên quan.	6.7	KHCN	KHCN; TCCB		
	Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên					
179	Kế hoạch, chiến lược phát triển nhân sự của CSGD; khoa; bộ môn*.	7.1	TCCB	TCCB; CTĐT		
180	Đề án vị trí việc làm: quyết định phê duyệt đề án vị trí việc làm.	7.1	TCCB	TCCB	CTĐT	

181	Bản mô tả công việc của nhân viên*.	7.1	TCCB	TCCB	CTĐT	
182	Hồ sơ, lý lịch của đội ngũ nhân viên*.	7.1	TCCB	TCCB	CTĐT	
183	Danh sách đội ngũ nhân viên hỗ trợ (thống kê hằng năm trong chu kỳ đánh giá trong đó thể hiện rõ trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, vị trí việc làm)*.	7.1	ĐBCL	Các đơn vị: ĐBCL; ĐTĐH; CTCT-SV; TCCB; KHCN; HTQT; TT.DV; TT.TT-TV; CSVC; Vp Đ-ĐT		
184	Đánh giá; phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên*.	7.1	TCCB	TCCB	ĐBCL	
185	Bảng phân tích; dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên để đáp ứng nhu cầu về đào tạo*.	7.1	TCCB	TCCB	ĐTĐH; CTĐT	
186	Các kế hoạch thực hiện việc quy hoạch đội ngũ nhân viên*.	7.1	TCCB	TCCB		
187	Văn bản quy định về tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên*.	7.2	TCCB	TCCB		
188	Bản mô tả công việc của nhân viên*.	7.2	TCCB	TCCB		
189	Sổ tay nhân viên.	7.2	TCCB	TCCB		
190	Hồ sơ của đội ngũ nhân viên, các hợp đồng lao động; quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển.	7.2	TCCB	TCCB		
191	Các kế hoạch; quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên*.	7.2	TCCB	TCCB		
192	Kết quả phân tích; khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm*.	7.2	TCCB	TCCB		
193	Các thông tin tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được công khai trên trang thông tin điện tử của CSGD; khoa, bảng tin, email nội bộ, ...	7.2	CTĐT	CTĐT		
194	Kết quả giải quyết khiếu kiện, khiếu nại liên quan đến tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên (nếu có).	7.2	TCCB	TCCB	CTĐT	
195	Văn bản; tài liệu quy định về quy trình, phương pháp, công cụ và tiêu chí đánh giá năng lực của nhân viên*.	7.3	TCCB	TCCB		
196	Kế hoạch đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên (tự đánh giá, cấp trên đánh giá, đồng nghiệp đánh giá, NH đánh giá, ...)*.	7.3	TCCB	TCCB		
197	Các bản tự đánh giá, bản nhận xét của cấp trên, các biên bản họp nhận xét đánh giá xếp loại công chức, viên chức, người lao động hằng năm; kết quả đánh giá đội ngũ nhân viên hằng năm*.	7.3	TCCB	TCCB		
198	Hồ sơ, lý lịch của đội ngũ nhân viên.	7.3	TCCB	TCCB		

199	Kết quả đánh giá nhu cầu về đào tạo , bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên*.	7.4	TCCB	TCCB		
200	Kế hoạch và tổng hợp kinh phí dành cho hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ nhân viên*.	7.4	KHTC	KHTC	ĐTĐH; TCCB	
201	Các thông báo; bản đăng ký của nhân viên về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ*.	7.4	TCCB	TCCB	CTĐT	
202	Các quyết định cử đi học, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ; các văn bằng chứng chỉ của nhân viên được cử đi học*.	7.4	TCCB	TCCB	CTĐT	
203	Kết quả đào tạo, bồi dưỡng hằng năm bao gồm nội dung, thời lượng tính theo giờ, hoặc theo kinh phí đã chi.	7.4	TCCB	TCCB	KHTC	
204	Hệ thống văn vản quy định để theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên*.	7.5	TCCB	TCCB		
205	Hệ thống đánh giá đồng cấp và hệ thống; cơ chế thi đua khen thưởng*.	7.5	TCCB	TCCB	HCTH	
206	Bản mô tả vị trí công việc*.	7.5	TCCB	TCCB		
207	Các chính sách nhân sự.	7.5	TCCB	TCCB		
208	Các báo cáo; biên bản; kết quả theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên*.	7.5	TCCB	TCCB		
209	Danh sách nhân viên được khen thưởng và công nhận đột xuất và hằng năm (nêu rõ lý do)*.	7.5	TCCB	TCCB		
210	Kết quả thống kê đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	7.5	ĐBCL	ĐTĐH; KHCN; QHCC-DN; Vp Đ-ĐT	CTĐT	
	Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học					
211	Đề án; chính sách tuyển sinh hằng năm*.	8.1	ĐTĐH	ĐTĐH; QHCC-DN	CTĐT	
212	Cơ sở dữ liệu, thống kê kết quả tuyển sinh*.	8.1	ĐTĐH	ĐTĐH		x
213	Các thông báo; kế hoạch tuyển sinh, tờ rơi, trang thông tin điện tử của CSGD; khoa*.	8.1	ĐTĐH	ĐTĐH; QHCC-DN	CTĐT	
214	Phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực hằng năm*.	8.1	ĐTĐH	ĐTĐH; TCCB	CTĐT	
215	Dữ liệu hằng năm về ý kiến của các bên liên quan trong việc xây dựng chính sách tuyển sinh*.	8.1	ĐTĐH	ĐTĐH; QHCC-DN	CTĐT	
216	Đề án; kế hoạch tuyển sinh hằng năm (trong đó nêu rõ các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh)*.	8.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	
217	Cơ sở dữ liệu, thống kê kết quả tuyển sinh.	8.2	ĐTĐH	ĐTĐH		x

218	Dữ liệu về ý kiến của các bên liên quan trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH*.	8.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT; QHCC-DN; ĐBCL	x
219	Văn bản đánh giá công tác tuyển chọn NH hằng năm*.	8.2	ĐTĐH	ĐTĐH; QHCC-DN	CTĐT	
220	Quy chế; quy định đào tạo*.	8.3	ĐTĐH	ĐTĐH		x
221	Văn bản quy định về CTĐT được phê duyệt trong đó quy định rõ khối lượng học tập của NH.	8.3	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
222	Hệ thống quản lý theo học chế tín chỉ*.	8.3	ĐTĐH	ĐTĐH		x
223	Dữ liệu về kết quả học tập của NH hằng năm*.	8.3	ĐTĐH	ĐTĐH		x
224	Các báo cáo và phản hồi về kết quả, tiến độ học tập và rèn luyện của NH*.	8.3	ĐTĐH	ĐTĐH; CTCT-SV; ĐBCL	CTĐT	x
225	Danh sách; quyết định cán bộ, nhân viên được phân công giám sát tiến bộ trong học tập của NH.	8.3	TCCB	TCCB		
226	Văn bản thành lập; giao nhiệm vụ cho đơn vị; bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH*.	8.4	TCCB	TCCB	CTĐT; CTCT-SV	x
227	Quy định về tư vấn học tập, việc làm, hoạt động hỗ trợ NH*.	8.4	CTCT-SV	CTCT-SV; TT.DV; QHCC-DN; Vp Đ-ĐT		
228	Bảng tổng hợp các hoạt động NH tham gia vào các câu lạc bộ, các nhóm nghiên cứu, các hoạt động ngoại khóa, cuộc thi, ...*	8.4	CTCT-SV	CTCT-SV		
229	Danh sách, quyết định thành lập các câu lạc bộ, hội, nhóm, ...	8.4	CTCT-SV	CTCT-SV		
230	Các kế hoạch, báo cáo hằng năm, hình ảnh minh chứng CSGD; khoa có tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho NH.	8.4	ĐBCL	CTĐT; Vp Đ-ĐT; CTCT-SV; QHCC-DN		x
231	Danh sách các cơ sở đào tạo, các doanh nghiệp; tổ chức phối hợp; liên kết với CSGD trong việc hỗ trợ đào tạo, thực hành, thực tập và tuyển dụng*.	8.4	QHCC-DN	CTĐT; QHCC-DN		x
232	Phản hồi của NH về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm*.	8.4	ĐBCL	CTCT-SV; ĐBCL		
233	Kết quả khảo sát tình trạng có việc làm của NH tốt nghiệp hằng năm và trong thời gian đánh giá*.	8.4	ĐBCL	ĐBCL	QHCC-DN; CTĐT	x
234	Sơ đồ bố trí khu hiệu bộ, giảng đường, các phòng; khoa, hội trường, thư viện, khu thực hành, thực tập, ký túc xá*.	8.5	CSVC	CSVC		
235	Dữ liệu về y tế học đường*.	8.5	TRẠM Y TẾ	TRẠM Y TẾ		

236	Các bảng; biển phổ biến nội quy; quy tắc ứng xử trong CSGD*.	8.5	CSVC	CSVC; CTCT -SV		
237	Biên bản kiểm tra; nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy, an toàn học đường; an toàn vệ sinh thực phẩm*.	8.5	HCTH	CSVC; HCTH; TRẠM Y TẾ; TT.DV		
238	Dữ liệu phản hồi của NH và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của CSGD*.	8.5	CTCT-SV	CTCT-SV; CSVC; ĐBCL		
239	Tổ chức công đoàn và các câu lạc bộ hoạt động ngoại khóa dành cho NH.	8.5	CTCT-SV	CTCT-SV; Vp Đ-ĐT; QHCC-DN		
	Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị					
240	Sơ đồ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng*.	9.1	CSVC	CSVC		
241	Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị, ...; Sổ theo dõi tình trạng hoạt động, sử dụng, …*	9.1	CSVC	CSVC		
242	Kế hoạch mua mới và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị.	9.1	CSVC	CSVC		
243	Kinh phí dành cho đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị*.	9.1	KHTC	CSVC; KHTC		
244	Thống kê diện tích phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng, … làm căn cứ xác định tỉ lệ diện tích; NH của CSGD; CTĐT*.	9.1	CSVC	CSVC		
245	Sơ đồ bố trí thư viện*.	9.2	TT. TT-TV	CSVC; TT.TT-TV		
246	Thống kê danh mục sách, giáo trình, tài liệu, học liệu phục vụ CTĐT*.	9.2	TT. TT-TV	TT.TT-TV	CTĐT	x
247	Đề cương chi tiết môn học; học phần*.	9.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
248	Văn bản hướng dẫn, quy định của thư viện; hệ thống theo dõi việc sử dụng tài liệu của thư viện*.	9.2	TT. TT-TV	TT.TT-TV		
249	Các văn bản đề xuất nhu cầu, các kế hoạch, dự toán, hóa đơn, thanh quyết toán các khoản đầu tư cho thư viện (sách, báo, tạp chí, tài liệu, …)*.	9.2	TT. TT-TV	TT.TT-TV		
250	Đánh giá; phản hồi của NH, GV và các bên liên quan về mức độ phù hợp của thư viện và các nguồn học liệu trong việc hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	9.2	TT. TT-TV	TT.TT-TV; ĐBCL		
251	Danh mục giáo trình, tài liệu, sách tham khảo được cập nhật hằng năm trong chu kỳ đánh giá*.	9.2	TT. TT-TV	TT.TT-TV		
252	Sơ đồ phòng thí nghiệm, phòng thực hành*.	9.3	CSVC	CSVC		
253	Thống kê danh mục trang thiết bị của phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ đào tạo và NCKH*.	9.3	CSVC	CSVC	CTĐT	x

254	Tài liệu hướng dẫn, quy định của phòng thí nghiệm, thực hành*.	9.3	CSVC	CSVC	CTĐT	x
255	Nhật ký sử dụng trang thiết bị*.	9.3	CSVC	CSVC	CTĐT	x
256	Báo cáo tổng hợp về việc sử dụng trang thiết bị (tần suất sử dụng, thời gian hoạt động, số giờ vận hành…)*.	9.3	CSVC	CSVC	CTĐT	x
257	Tổng hợp kinh phí đã đầu tư mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị*.	9.3	CSVC	CSVC; KHTC		
258	Dữ liệu phản hồi của NH và các bên liên quan về phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị*.	9.3	CSVC	CSVC; ĐBCL		
259	Danh mục các trang thiết bị được cập nhật hằng năm trong giai đoạn đánh giá*.	9.3	CSVC	CSVC		
260	Thống kê hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm và thiết bị công nghệ thông tin, trang thông tin điện tử*.	9.4	CSVC	CSVC; TT.TT-TV		
261	Sổ sách theo dõi việc vận hành và bảo trì phòng máy tính, phần cứng, phần mềm và các mạng truyền thông, phòng họp trực tuyến, trang thông tin điện tử*.	9.4	CSVC	CSVC; TT.TT-TV		
262	Đánh giá; phản hồi của NH, GV và các bên liên quan về mức độ phù hợp của hệ thống CNTT trong việc hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu*.	9.4	TT. TT-TV	CSVC; TT.TT-TV; ĐBCL		
263	Danh mục máy tính, phần cứng, phần mềm, … được cập nhật hằng năm trong chu kỳ đánh giá*.	9.4	CSVC	CSVC		
264	Văn bản phân công bộ phận; người phụ trách hệ thống CNTT*.	9.4	TT. TT-TV	TT.TT-TV		
265	Các văn bản quy định các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn do CSGD ban hành*.	9.5	TRẠM Y TẾ	TRẠM Y TẾ		
266	Dữ liệu về tập huấn; diễn tập các biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, cháy nổ, ngộ độc thực phẩm hoặc xử lý các tình huống về môi trường, sức khỏe và an toàn hằng năm*.	9.5	HCTH	TRẠM Y TẾ; HCTH		
267	Các báo cáo tổng kết; sơ kết đánh giá việc thực hiện tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn,…	9.5	TRẠM Y TẾ	TRẠM Y TẾ		
268	Dữ liệu phản hồi của NH và các bên liên quan về môi trường, sức khỏe, an toàn (đặc biệt các phản hồi từ NH khuyết tật)*.	9.5	CTCT-SV	TRẠM Y TẾ; ĐBCL; CTCT-SV		
	Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng					
269	Văn bản giao nhiệm vụ; quy trình thực hiện việc thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH*.	10.1	ĐBCL	ĐTĐH; ĐBCL	CTĐT; TCCB; CTCT-SV; QHCC-DN	x

270	Các phiếu khảo sát; dữ liệu khảo sát; báo cáo khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH*.	10.1	ĐTĐH	ĐTĐH; ĐBCL	CTĐT; TCCB; CTCT-SV; QHCC-DN	x
271	Các báo cáo; biên bản; kết luận thu được từ thảo luận, trao đổi nhóm, đối thoại, điều tra theo dấu vết,…	10.1	ĐBCL	ĐTĐH; TCCB; CTCT-SV; QHCC-DN		
272	Các nội dung phản hồi về CTDH của các bên liên quan*.	10.1	ĐBCL	ĐTĐH; ĐBCL	CTĐT; TCCB; CTCT-SV; QHCC-DN	x
273	Các văn bản; tài liệu về điều chỉnh; thẩm định kèm theo các phiên bản cũ và mới của CTĐT, CTDH trong chu kỳ đánh giá*.	10.1	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
274	Bản thống kê nhu cầu của các bên liên quan trong chu kỳ đánh giá*.	10.1	ĐBCL	ĐTĐH; ĐBCL	CTĐT; TCCB; CTCT-SV; QHCC-DN	x
275	Văn bản quy định về quy trình thiết kế và phát triển CTDH*.	10.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	
276	Phiếu khảo sát; dữ liệu khảo sát; báo cáo khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về quy trình thiết kế, phát triển CTDH*.	10.2	ĐBCL	ĐTĐH; ĐBCL	CTĐT; TCCB; CTCT-SV; QHCC-DN	
277	Các báo cáo; biên bản; kết luận thu được từ thảo luận, trao đổi nhóm, đối thoại, điều tra theo dấu vết,… phản hồi về CTDH và môn học; học phần.	10.2	ĐBCL	ĐTĐH; TCCB; CTCT-SV; QHCC-DN		
278	Các biên bản đánh giá; rà soát; cải tiến; thẩm định quy trình thiết kế, phát triển CTDH*.	10.2	ĐTĐH	ĐTĐH	CTĐT	x
279	Các văn bản quy định; hướng dẫn rà soát, đánh giá quá trình dạy và học; đánh giá kết quả học tập*.	10.3	ĐTĐH	ĐTĐH; ĐBCL	TCCB; CTCT-SV; QHCC-DN	
280	Các biên bản rà soát; đánh giá quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của bộ môn; khoa; trường*.	10.3	CTĐT	CTĐT; ĐTĐH		x
281	Các biên bản; tài liệu thẩm định sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy - học, đánh giá kết quả học tập với CĐR*.	10.3	CTĐT	CTĐT; ĐTĐH		x
282	Dữ liệu phản hồi của các bên liên quan về quá trình dạy - học và kết quả học tập*.	10.3	ĐTĐH	ĐTĐH; ĐBCL	CTĐT; TCCB; CTCT-SV; QHCC-DN	x
283	Kỷ yếu hội thảo về đổi mới giảng dạy, học tập,…	10.3	ĐTĐH	ĐTĐH; TCCB		
284	Hồ sơ các đề tài NCKH*.	10.4	KHCN	KHCN	CTĐT	x

285	Thông tin về kết quả nghiên cứu, sản phẩm các đề tài NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học*.	10.4	KHCN	KHCN	CTĐT	x
286	Các hội nghị, hội thảo, sáng kiến kinh nghiệm, ... để phổ biến, áp dụng kết quả NCKH*.	10.4	KHCN	KHCN		
287	Văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích*.	10.5	TT.DV	TT.DV; TT.TT-TV; ĐBCL		
288	Dữ liệu đánh giá, kết quả khảo sát; đánh giá các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích*.	10.5	TT.DV	TT.DV; TT.TT-TV; ĐBCL		
289	Các biên bản; kết luận; quyết định; hóa đơn chứng từ liên quan đến cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích*.	10.5	TT.DV	TT.DV; TT.TT-TV		
290	Thông tin về kết quả cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác*.	10.5	ĐBCL	TT.DV; TT.TT-TV; CSVC		
291	Văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ của đơn vị; bộ phận thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan*.	10.6	ĐBCL	ĐBCL	ĐTĐH; TCCB; CTCT-SV; QHCC-DN; TT.DV; TT.TT-TV; CSVC	
292	Các văn bản quy định; hướng dẫn quy trình, công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, xử lý, sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan*.	10.6	ĐBCL	ĐBCL	ĐTĐH; TCCB; CTCT-SV; QHCC-DN; TT.DV; TT.TT-TV; CSVC	
293	Thông tin về kết quả đánh giá và cải tiến về cơ chế phản hồi*.	10.6	ĐBCL	ĐTĐH; TCCB; CTCT-SV; QHCC-DN; TT.DV; TT.TT-TV; CSVC; ĐBCL		x
	Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra					
294	Cơ sở dữ liệu về NH trong đó có số liệu thống kê, theo dõi, báo cáo tổng kết, đánh giá tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của NH trong 5 năm của chu kỳ đánh giá[1]*.	11.1	ĐTĐH	ĐTĐH; CTCT-SV		x
295	Thông tin về nguyên nhân thôi học, chậm tốt nghiệp.	11.1	ĐTĐH	ĐTĐH; CTCT-SV	CTĐT	x

296	Thông tin về việc đối sánh trong; ngoài trường về tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học; báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của NH tham gia CTĐT và các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp.	11.1	ĐBCL	ĐTĐH; CTCT-SV; ĐBCL	CTĐT	x
297	Văn bản thành lập; giao nhiệm vụ bộ phận chuyên trách giám sát thời gian tốt nghiệp; văn bản ban hành quy trình thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình*.	11.2	ĐTĐH	ĐTĐH; CTCT-SV		
298	Cơ sở dữ liệu về NH trong đó có số liệu thống kê; theo dõi, báo cáo tổng kết tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của NH trong 5 năm của chu kỳ đánh giá*.	11.2	ĐTĐH	ĐTĐH; CTCT-SV; ĐBCL	CTĐT	x
299	Sổ tay nghiệp vụ; tài liệu tìm hiểu, phân tích nguyên nhân chậm tốt nghiệp; nhật ký tư vấn; hỗ trợ NH rút ngắn thời gian tốt nghiệp*.	11.2	CTCT-SV	CTCT-SV		
300	Đối sánh trong nước và quốc tế về thời gian tốt nghiệp trung bình của NH trong cùng một CTĐT, hình thức đào tạo.	11.2	CTĐT	CTĐT; ĐTĐH		x
301	Báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế về thời gian tốt nghiệp trung bình của NH trong cùng CTĐT và các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp.	11.2	ĐBCL	ĐTĐH; CTCT-SV; ĐBCL	CTĐT	x
302	Văn bản thành lập; giao nhiệm vụ bộ phận chuyên trách theo dõi, liên hệ với NH tốt nghiệp; văn bản ban hành quy trình thực hiện; kinh phí sử dụng cho hoạt động hỗ trợ NH tốt nghiệp chưa có việc làm*.	11.3	ĐBCL	CTCT-SV; QHCC-DN; HỘI SV MĐC	CTĐT	x
303	Cơ sở dữ liệu về NH tốt nghiệp (trong vòng 2 năm sau khi tốt nghiệp) trong đó có số liệu thống kê, theo dõi, báo cáo tổng kết; đánh giá tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ có việc làm, thu nhập bình quân của các khóa tốt nghiệp trong chu kỳ đánh giá*.	11.3	QHCC-DN	QHCC-DN	CTĐT; CTCT-SV;	x
304	Sổ tay nghiệp vụ tìm hiểu, phân tích nguyên nhân NH tốt nghiệp chưa tìm được việc làm; nhật ký tư vấn; hỗ trợ NH tốt nghiệp có việc làm*.	11.3	QHCC-DN	QHCC-DN	CTĐT; CTCT-SV;	x
305	Dữ liệu đối sánh trong CSGD, trong nước; quốc tế về tỉ lệ có việc làm của NH tốt nghiệp; báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế về việc làm*.	11.3	QHCC-DN	QHCC-DN	CTĐT; CTCT-SV;	x
306	Dữ liệu khảo sát; trao đổi; làm việc với các đơn vị sử dụng lao động trong việc gắn kết doanh nghiệp với CSGD ở tất cả các khâu trong quá trình đào tạo và tìm kiếm việc làm*.	11.3	QHCC-DN	QHCC-DN; CTĐT		x
307	Kế hoạch; chiến lược NCKH của CSGD đối với NH*.	11.4	KHCN	KHCN		
308	Thống kê, đánh giá các hoạt động NCKH của NH trong chu kỳ đánh giá*.	11.4	KHCN	KHCN		

309	Dữ liệu về nguồn thu; chi tài chính dành cho các hoạt động NCKH của NH trong chu kỳ đánh giá*.	11.4	KHTC	KHCN; KHTC		
310	Dữ liệu về việc tổ chức các hội nghị tổng kết, báo cáo kết quả NCKH của NH trong đó thể hiện được các đề xuất NCKH phù hợp với bối cảnh, mục tiêu, tầm nhìn, sứ mạng của CSGD*.	11.4	KHCN	KHCN		
311	Đối sánh trong nước và quốc tế về loại hình nghiên cứu và số lượng các hoạt động NCKH của NH thuộc các CTĐT tương ứng*.	11.4	KHCN	KHCN	CTĐT	x
312	Các quy định về quy trình; phương pháp, công cụ và tiêu chí đo lường sự hài lòng của các bên liên quan (NH, NH đã tốt nghiệp, GV, NCV, nhà sử dụng lao động, nhân viên, cán bộ quản lý)*.	11.5	ĐBCL	ĐBCL	CTĐT; ĐTĐH; TCCB; CTCT-SV; QHCC-DN	x
313	Cơ sở dữ liệu, báo cáo tổng kết của từng đối tượng được khảo sát hằng năm.	11.5	ĐBCL	ĐBCL; ĐTĐH; TCCB; CTCT-SV; QHCC-DN; CSVC; TT.DV; TT.TT-TV		lưu kết quả liên quan nhằm cải tiến chất lượng CTĐT
314	Phiếu đánh giá; dữ liệu khảo sát, báo cáo đánh giá; báo cáo thống kê về mức độ hài lòng của các bên liên quan*.	11.5	ĐBCL	ĐBCL; ĐTĐH; TCCB; CTCT-SV; QHCC-DN; CSVC; TT.DV; TT.TT-TV		lưu kết quả liên quan nhằm cải tiến chất lượng CTĐT
315	Kết quả phân tích dữ liệu khảo sát và kế hoạch rà soát, cải tiến công cụ, quy trình khảo sát và cải tiến chất lượng CTĐT.	11.5	ĐBCL	ĐBCL	CTCT-SV; QHCC-DN; TCCB; ĐTĐH; CSVC; TT.TT-TV	x

HƯỚNG DẪN LƯU TRỮ TÀI LIỆU PHỤC VỤ KĐCL CTĐT 2024 - TOÀN TRƯỜNG

(Kèm theo Thông báo số /TB-MĐC ngày 20/12/2024 Kết luận cuộc họp Triển khai công tác Tự đánh giá CTĐT ngày 19/12/2024)

(CTĐT = Khoa/Bộ môn chủ quản ngành đào tạo)

Lưu ý: Đơn vị đầu mối có trách nhiệm kết hợp với các đơn vị liên quan triển khai lưu trữ tài liệu làm minh chứng.

TT	TÊN MINH CHỨNG	TIÊU CHÍ	ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH CHÍNH	ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	CTĐT Thực hiện và/hoặc cùng lưu tài liệu
	Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo					
1	Quyết định ban hành CTĐT*.	1.1	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
2	Bản mô tả; đề cương CTĐT và bản mô tả; đề cương môn học; học phần*.	1.1	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
3	Ma trận kỹ năng*.	1.1	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
4	Biên bản họp lấy ý kiến của các bên liên quan về CTĐT*.	1.1	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
5	Trang thông tin điện tử của CSGD; khoa có đề cập đến CTĐT.	1.1	ĐTSĐH	ĐTSĐH; CTĐT	TT.TT-TV	x
6	Bản mô tả; đề cương CTĐT và đề cương môn học; học phần*.	1.2	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
7	Ma trận kỹ năng*.	1.2	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
8	Biên bản họp lấy ý kiến của các bên liên quan về CTĐT*.	1.2	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
9	Trang thông tin điện tử của CSGD; khoa có đề cập đến CTĐT.	1.2	ĐTSĐH	ĐTSĐH; CTĐT	TT.TT-TV	x
10	Bản mô tả; đề cương CTĐT và đề cương môn học; học phần*.	1.3	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
11	Ma trận kỹ năng*.	1.3	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
12	Biên bản họp; bản góp ý của các bên liên quan, đặc biệt là nhà sử dụng lao động*.	1.3	ĐTSĐH	ĐTSĐH	QHCC-DN; CTĐT	x
13	Trang thông tin điện tử của CSGD; khoa công bố công khai CĐR của CTĐT*.	1.3	ĐTSĐH	ĐTSĐH; CTĐT	TT.TT-TV	x
14	Các biên bản họp và tài liệu lưu trữ về hoạt động rà soát CĐR của CTĐT*.	1.3	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
15	Văn bản của nhà trường về CĐR của CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh.	1.3	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
16	Bảng so sánh kết quả xếp loại đối với NH tốt nghiệp CTĐT trong 5 năm của chu kỳ đánh giá.	1.3	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x

	Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo					
17	Bản mô tả; đề cương CTĐT và bản mô tả; đề cương môn học; học phần bao gồm các phiên bản cũ và mới nhất*.	2.1	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
18	Trang thông tin điện tử của CSGD; khoa.	2.1	ĐTSĐH	ĐTSĐH; CTĐT	TT.TT-TV	x
19	Biên bản họp; bản góp ý lấy ý kiến của các bên liên quan*.	2.1	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
20	Biên bản họp; tài liệu về hoạt động rà soát CTĐT*.	2.1	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
21	Kế hoạch; báo cáo xây dựng; điều chỉnh Bản mô tả CTĐT được phê duyệt*.	2.1	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
22	Đề cương của tất cả các môn học; học phần trong CTĐT đối với các phiên bản trong 5 năm của chu kỳ đánh giá*.	2.2	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
23	Bản mô tả môn học; học phần trong CTĐT*.	2.2	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
24	Trang thông tin điện tử của CSGD; khoa.	2.2	ĐTSĐH	ĐTSĐH; CTĐT	TT.TT-TV	x
25	Biên bản họp; ý kiến góp ý của các bên liên quan về nội dung, chất lượng của các môn học; học phần*.	2.2	ĐTSĐH	ĐTSĐH; ĐBCL	CTCT-SV; TCCB; QHCC-DN	x
26	Biên bản họp; tài liệu liên quan đến hoạt động rà soát đề cương môn học; học phần*.	2.2	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
27	Báo cáo kết quả KĐCLGD và đối sánh chất lượng liên quan đến môn học; học phần.	2.2	ĐTSĐH	ĐBCL; ĐTSĐH	CTĐT	x
28	Bản mô tả CTĐT đã được phê duyệt chính thức*.	2.3	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
29	Đề cương các môn học; học phần trong CTĐT đã được phê duyệt chính thức*.	2.3	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
30	Các tài liệu chính thống của CSGD; khoa trong đó có phần công bố về bản mô tả CTĐT; đề cương các học phần*.	2.3	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
31	Trang thông tin điện tử của CSGD; khoa có công bố bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần*.	2.3	ĐTSĐH	ĐTSĐH; CTĐT		x
	Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học					
32	Bản mô tả CTDH và bản mô tả môn học; học phần*.	3.1	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
33	Kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH*.	3.1	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
34	Ma trận kỹ năng*.	3.1	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
35	Mô tả CĐR của CTĐT*.	3.1	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
36	Các báo cáo về KĐCLGD và đối sánh.	3.1	ĐTSĐH	ĐBCL; ĐTSĐH	CTĐT; TCCB; CTCT-SV; QHCC-DN	x

37	Bản mô tả CTDH, bản mô tả môn học; học phần*.	3.2	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
38	Sơ đồ; kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH*.	3.2	ĐTSĐH	ĐTSĐH		
39	Ma trận kỹ năng*.	3.2	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
40	Góp ý, phản hồi của các bên liên quan*.	3.2	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
41	Các biên bản họp; tài liệu liên quan tới hoạt động xây dựng CTDH*.	3.2	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
42	Biên bản nghiệm thu CTDH và đề cương học phần*.	3.2	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
43	Các báo cáo về KĐCLGD và đối sánh.	3.2	ĐTSĐH	ĐBCL; ĐTSĐH	CTĐT; TCCB; CTCT-SV; QHCC-DN	x
44	Bản mô tả CTDH và bản mô tả môn học; học phần*.	3.3	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
45	Kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH*.	3.3	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
46	Ma trận kỹ năng.	3.3	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
47	Góp ý, phản hồi của các bên liên quan.	3.3	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
48	Các biên bản họp và tài liệu lưu trữ về hoạt động rà soát, điều chỉnh CTDH*.	3.3	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
49	Biên bản nghiệm thu CTDH và đề cương học phần*.	3.3	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
50	Các báo cáo về KĐCLGD và đối sánh.	3.3	ĐTSĐH	ĐBCL; ĐTSĐH	CTĐT; TCCB; CTCT-SV; QHCC-DN	x
51	Tài liệu quy định; hướng dẫn việc xây dựng CTDH trong đó nêu rõ yêu cầu, bố cục, cấu trúc của CTDH*.	3.3	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
	Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học					
52	Minh chứng về các hoạt động giảng dạy và học tập để đảm bảo chất lượng chẳng hạn như: dự án, thực tập, thực hành, thực tế tại doanh nghiệp*.	4.2	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
53	Cổng thông tin học tập trực tuyến.	4.2	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT; TT.TT-TV	x
54	CĐR của CTĐT và Bản mô tả CTĐT; môn học; học phần*.	4.2	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
55	Ý kiến phản hồi của các bên liên quan.	4.2	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
56	Tài liệu; hội thảo liên quan đến thảo luận, trao đổi sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy và học tập để đạt được CĐR*.	4.2	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
57	Minh chứng về các hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và học tập chẳng hạn như dự án, thực tập, thực hành, thực tế tại doanh nghiệp*.	4.3	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x

58	Cổng thông tin học tập trực tuyến*.	4.3	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT; TT.TT-TV	x
59	Bản mô tả CTĐT; môn học; học phần*.	4.3	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
	Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học					
60	Văn bản; tài liệu hướng dẫn; quy định về quy trình thi, kiểm tra, đánh giá NH bao gồm: quá trình đào tạo, thi; chấm luận văn tốt nghiệp*.	5.1	ĐTSĐH; ĐBCL	ĐTSĐH; ĐBCL		x
61	Bản mô tả CTĐT; đề cương chi tiết các môn học; học phần*.	5.1	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
62	Bảng tiêu chí đánh giá; thang điểm; mẫu phiếu đánh giá khóa học; môn học, đề tài; dự án, luận văn, luận án, bài thi định kỳ; cuối kỳ; cuối khóa*.	5.1	ĐTSĐH	CTĐT; ĐTSĐH	CTĐT	x
63	Mẫu phiếu; bản rubrics đánh giá khóa học; môn học, học phần; đề tài; dự án; luận văn, luận án; bài thi cuối kỳ; cuối khóa.	5.2	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
64	Bản mô tả CTĐT; bản mô tả môn học; học phần*.	5.2	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
65	Đề cương các môn học, học phần.	5.2	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
66	Bản mô tả CTĐT và bản mô tả môn học; học phần*.	5.3	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
67	Các văn bản; tài liệu tổng kết, sơ kết về hiệu quả tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong các học phần; môn học; CTĐT*.	5.3	ĐTSĐH	ĐBCL; ĐTSĐH	TCCB; CTCT-SV; QHCC-DN	x
68	Các văn bản quy định về thi, kiểm tra, đánh giá*.	5.4	ĐTSĐH	ĐTSĐH; ĐBCL		x
69	Các văn bản; tài liệu tổng kết, sơ kết sau mỗi kỳ học; năm học*.	5.4	ĐTSĐH	ĐTSĐH; ĐBCL		
70	Hình thức thông báo kết quả đánh giá tới NH (thông báo, bảng điểm, tài khoản).	5.4	ĐTSĐH	ĐTSĐH; CTCT-SV		
	Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên					
71	Bảng thống kê khối lượng công việc thực hiện của từng cá nhân.	6.2	ĐTSĐH	ĐTSĐH; TCCB	CTĐT	x
72	Bảng phân công khối lượng giảng dạy; NCKH hằng năm.	6.2	ĐTSĐH	ĐTSĐH; KHCN		x
73	Bảng thống kê thanh toán tiền vượt giờ của GV thực hiện chương trình.	6.2	ĐTSĐH	ĐTSĐH; KHTC		x
74	Sổ tay GV.	6.5	ĐTSĐH	ĐTSĐH		x
	Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên					
	Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học					
75	Đề án; chính sách tuyển sinh hằng năm*.	8.1	ĐTSĐH	ĐTSĐH; QHCC-DN	CTĐT	
76	Cơ sở dữ liệu, thống kê kết quả tuyển sinh*.	8.1	ĐTSĐH	ĐTSĐH		x
77	Các thông báo; kế hoạch tuyển sinh, tờ rơi, trang thông tin điện tử của CSGD; khoa*.	8.1	ĐTSĐH	ĐTSĐH; QHCC-DN	CTĐT	

78	Phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực hằng năm*.	8.1	ĐTSĐH	ĐTSĐH; TCCB	CTĐT	
79	Dữ liệu hằng năm về ý kiến của các bên liên quan trong việc xây dựng chính sách tuyển sinh*.	8.1	ĐTSĐH	ĐTSĐH; QHCC-DN	CTĐT	
80	Đề án; kế hoạch tuyển sinh hằng năm (trong đó nêu rõ các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh)*.	8.2	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	
81	Cơ sở dữ liệu, thống kê kết quả tuyển sinh.	8.2	ĐTSĐH	ĐTSĐH		x
82	Dữ liệu về ý kiến của các bên liên quan trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH*.	8.2	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT; QHCC-DN; ĐBCL	x
83	Văn bản đánh giá công tác tuyển chọn NH hằng năm*.	8.2	ĐTSĐH	ĐTSĐH; QHCC-DN	CTĐT	
84	Quy chế; quy định đào tạo*.	8.3	ĐTSĐH	ĐTSĐH		x
85	Văn bản quy định về CTĐT được phê duyệt trong đó quy định rõ khối lượng học tập của NH.	8.3	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
86	Hệ thống quản lý theo học chế tín chỉ*.	8.3	ĐTSĐH	ĐTSĐH		x
87	Dữ liệu về kết quả học tập của NH hằng năm*.	8.3	ĐTSĐH	ĐTSĐH		x
88	Các báo cáo và phản hồi về kết quả, tiến độ học tập và rèn luyện của NH*.	8.3	ĐTSĐH	ĐTSĐH; CTCT-SV; ĐBCL	CTĐT	x
	Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị					
89	Đề cương chi tiết môn học; học phần*.	9.2	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
	Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng					
90	Các phiếu khảo sát; dữ liệu khảo sát; báo cáo khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH*.	10.1	ĐTSĐH	ĐTSĐH; ĐBCL	CTĐT; TCCB; CTCT-SV; QHCC-DN	x
91	Các văn bản; tài liệu về điều chỉnh; thẩm định kèm theo các phiên bản cũ và mới của CTĐT, CTDH trong chu kỳ đánh giá*.	10.1	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
92	Văn bản quy định về quy trình thiết kế và phát triển CTDH*.	10.2	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	
93	Các biên bản đánh giá; rà soát; cải tiến; thẩm định quy trình thiết kế, phát triển CTDH*.	10.2	ĐTSĐH	ĐTSĐH	CTĐT	x
94	Các văn bản quy định; hướng dẫn rà soát, đánh giá quá trình dạy và học; đánh giá kết quả học tập*.	10.3	ĐTSĐH	ĐTSĐH; ĐBCL	TCCB; CTCT-SV; QHCC-DN	
95	Dữ liệu phản hồi của các bên liên quan về quá trình dạy - học và kết quả học tập*.	10.3	ĐTSĐH	ĐTSĐH; ĐBCL	CTĐT; TCCB; CTCT-SV; QHCC-DN	x
96	Kỷ yếu hội thảo về đổi mới giảng dạy, học tập,…	10.3	ĐTSĐH	ĐTSĐH; TCCB		
	Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra					

97	Cơ sở dữ liệu về NH trong đó có số liệu thống kê, theo dõi, báo cáo tổng kết, đánh giá tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của NH trong 5 năm của chu kỳ đánh giá[1]*.	11.1	ĐTSĐH	ĐTSĐH; CTCT-SV		x
98	Thông tin về nguyên nhân thôi học, chậm tốt nghiệp.	11.1	ĐTSĐH	ĐTSĐH; CTCT-SV	CTĐT	x
99	Văn bản thành lập; giao nhiệm vụ bộ phận chuyên trách giám sát thời gian tốt nghiệp; văn bản ban hành quy trình thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình*.	11.2	ĐTSĐH	ĐTSĐH; CTCT-SV		
100	Cơ sở dữ liệu về NH trong đó có số liệu thống kê; theo dõi, báo cáo tổng kết tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của NH trong 5 năm của chu kỳ đánh giá*.	11.2	ĐTSĐH	ĐTSĐH; CTCT-SV; ĐBCL	CTĐT	x